

Nội dung bài viết

1. [BỘ 30 bài tập trắc nghiệm Sinh 12 Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái](#)
2. [Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh lớp 12 Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái](#)

Bộ 30 bài tập trắc nghiệm Sinh 12 Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái

Câu 1: Khái niệm môi trường nào sau đây là đúng?

- A. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố hữu sinh ở xung quanh sinh vật.
- B. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh và hữu sinh ở xung quanh sinh vật, trừ nhân tố con người.
- C. Môi trường là nơi sinh sống của sinh vật bao gồm tất cả các nhân tố vô sinh xung quanh sinh vật.
- D. Môi trường gồm tất cả các nhân tố xung quanh sinh vật, có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật; làm ảnh hưởng đến sự tồn tại, sinh trưởng, phát triển và những hoạt động khác của sinh vật.

Câu 2. Có các loại môi trường phổ biến là?

- A. Môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường sinh vật.
- B. Môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường bên trong.
- C. Môi trường đất, môi trường nước, môi trường trên cạn, môi trường ngoài.
- D. Môi trường đất, môi trường nước ngọt, môi trường nước mặn và môi trường trên cạn.

Câu 3: Môi trường sống là nơi sinh sống của sinh vật, bao gồm tất cả các nhân tố sinh thái

- A. Vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật
- B. Hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của sinh vật
- C. Vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật
- D. Hữu sinh ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến đời sống của sinh vật

Câu 4: Các loại môi trường sống chủ yếu của sinh vật là môi trường

- A. Đất, môi trường trên cạn, môi trường nước, môi trường sinh vật
- B. Đất, môi trường trên cạn, môi trường dưới nước
- C. Vô sinh, môi trường trên cạn, môi trường dưới nước
- D. Đất, môi trường trên cạn, môi trường nước ngọt, nước mặn

Câu 5: Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật?

- A. Phát triển thuận lợi nhất.
- B. Có sức sống trung bình.
- C. Có sức sống giảm dần.
- D. Chết hàng loạt.

Câu 6: Nhân tố sinh thái vô sinh bao gồm

- A. Tất cả các nhân tố vật lí, hóa học của môi trường xung quanh sinh vật
- B. Đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các nhân tố vật lí bao quanh sinh vật
- C. Đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, các chất hóa học của môi trường xung quanh sinh vật
- D. Đất, nước, không khí, độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ của môi trường xung quanh sinh vật

Câu 7: Nhân tố sinh thái hữu sinh bao gồm

- A. Thực vật, động vật và con người
- B. Vi sinh vật, thực vật, động vật và con người
- C. Thế giới hữu cơ của môi trường, là những mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau.
- D. Vi sinh vật, nấm, tảo, thực vật, động vật và con người

Câu 8: Thích nghi với điều kiện chiếu sáng khác nhau, người ta chia động vật thành những nhóm nào?

- A. Nhóm động vật ưa hoạt động ban ngày.
- B. Nhóm động vật ưa hoạt động ban đêm.
- C. Nhóm động vật ưa hoạt động ban ngày và nhóm động vật ưa hoạt động ban đêm.

D. Nhóm động vật ưa hoạt động vào lúc chiều tối.

Câu 9: Con người là một nhân tố sinh thái đặc biệt. Có thể xếp con người vào nhóm nhân tố nào sau đây?

A. Nhóm nhân tố vô sinh.

B. Nhóm nhân tố hữu sinh.

C. Thuộc cả nhóm nhân tố hữu sinh và nhóm nhân tố vô sinh.

D. Nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.

Câu 10: Chọn câu sai trong các câu sau?

A. Nhân tố sinh thái là tất cả các yếu tố của môi trường tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật.

B. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.

C. Sinh vật không phải là yếu tố sinh thái.

D. Các nhân tố sinh thái được chia thành 2 nhóm là nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.

Câu 11: Giới hạn sinh thái là

A. Khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật có thể tồn tại, phát triển ổn định theo thời gian

B. Khoảng xác định mà ở đó loài sống thuận lợi nhất hoặc sống bình thường nhưng năng lượng bị hao tổn tối thiểu

C. Không chống chịu mà ở đó đời sống của loài ít bất lợi

D. Khoảng cực thuận mà ở đó loài sống thuận lợi nhất

Câu 12: Khi nói về giới hạn sinh thái, kết luận nào sau đây không đúng?

A. Những loài có giới hạn sinh thái càng rộng thì có vùng phân bố càng hẹp

B. Loài sống ở vùng biển khơi có giới hạn sinh thái về độ muối hẹp hơn so với loài sống ở vùng cửa sông

C. Cơ thể đang bị bệnh có giới hạn sinh thái về nhiệt độ hẹp hơn so với cơ thể cùng lứa tuổi nhưng không bị bệnh

D. Cơ thể sinh vật sinh trưởng tốt nhất ở khoảng cực thuận của giới hạn sinh thái

Câu 13: Những hiểu biết về giới hạn sinh thái của sinh vật có ý nghĩa

A. Đối với sự phân bố của sinh vật trên Trái Đất, ứng dụng trong việc di – nhập vật nuôi

B. Ứng dụng trong việc di – nhập, thuần hóa các giống vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp

C. Trong việc giải thích sự phân bố của các sinh vật trên Trái Đất, ứng dụng trong việc di – nhập, thuần hóa các giống vật nuôi, cây trồng trong nông nghiệp

D. Đối với sự phân bố sinh vật trên Trái Đất, thuần hóa các giống vật nuôi

Câu 14: Nơi ở là

A. Khu vực sinh sống của sinh vật

B. Nơi cư trú của loài

C. Khoảng không gian sinh thái

D. Nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật

Câu 15: Nhóm sinh vật nào dưới đây có nhiệt độ cơ thể không biến đổi theo nhiệt độ môi trường?

A. Lưỡng cư.

B. Cá xương.

C. Thú.

D. Bò sát.

Câu 16: Đặc điểm nào sau đây là không đúng với cây ưa sáng?

A. Phiến lá mỏng, ít hoặc không có mô giậu, lá nằm ngang.

B. Lá cây có phiến dày, mô giậu phát triển, chịu được ánh sáng mạnh.

C. Mọc nơi quang đãng hoặc ở tầng trên của tán rừng.

D. Lá cây xếp nghiêng so với mặt đất, tránh được những tia nắng chiếu thẳng vào bề mặt lá.

Câu 17: Đặc điểm thích nghi với môi trường khô hạn của một số thực vật là

A. Tầng cutin rất mỏng

- B. Lá mỏng
- C. Rễ cây nông
- D. Thân cây có nhiều tế bào chứa nước

Câu 18: Ổ sinh thái là

- A. Khu vực sinh sống của sinh vật
- B. Nơi thường gặp của loài
- C. Khoảng không gian sinh thái có tất cả các điều kiện đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển ổn định, lâu dài của loài
- D. Nơi có đầy đủ các yếu tố thuận lợi cho sự tồn tại của sinh vật

Câu 19: Lá của cây ưa bóng có đặc điểm nào sau đây?

- A. Lá dày, nằm ngang, có nhiều tế bào mô giậu
- B. Lá to, nằm nghiêng, ít hoặc không có mô giậu
- C. Lá dày, nằm nghiêng, có nhiều tế bào mô giậu
- D. Lá mỏng, nằm ngang, ít hoặc không có tế bào mô giậu

Câu 20: Ánh sáng ảnh hưởng tới đời sống thực vật, làm

- A. Thay đổi đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu, sinh lí của thực vật, hình thành các nhóm cây ưa sáng, ưa bóng.
- B. Tăng hoặc giảm sự quang hợp của cây
- C. Thay đổi đặc điểm hình thái, sinh lí của thực vật
- D. Ảnh hưởng tới cấu tạo giải phẫu, sinh sản của cây

Câu 21: Khoảng giới hạn sinh thái về nhiệt độ đối với cá rô phi ở Việt Nam là

- A. 2°C - 42°C
- B. 10°C - 42°C
- C. 5°C - 40°C
- D. 5,6°C - 42°C**

Câu 22: Đối với động vật, ánh sáng ảnh hưởng tới

- A. Hoạt động kiếm ăn, tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật, định hướng di chuyển trong không gian
- B. Hoạt động, khả năng sinh trưởng, sinh sản
- C. Hoạt động kiếm ăn, khả năng sinh trưởng, sinh sản
- D. Hoạt động, khả năng sinh trưởng, sinh sản, tạo điều kiện cho động vật nhận biết các vật, định hướng di chuyển trong không gian

Câu 23: Loài chuột cát ở đài nguyên có thể chịu được nhiệt độ không khí dao động từ (-50°C) đến (+30°C), trong đó nhiệt độ thuận lợi từ 0°C đến 20°C. Điều này thể hiện quy luật sinh thái

- A. Giới hạn sinh thái
- B. Tác động qua lại giữa sinh vật với môi trường
- C. Không đồng đều của các nhân tố sinh thái
- D. Tổng hợp của các nhân tố sinh thái

Câu 24: Trong các nhóm động vật sau, nhóm thuộc động vật biến nhiệt là

- A. Cá sấu, ếch đồng, giun đất, mèo
- B. Cá voi, cá heo, mèo, chính bò câu
- C. Thằn lằn bóng đuôi dài, tắc kè, cá chép
- D. Cá rô phi, tôm đồng, cá thu, thỏ

Câu 25: Trong tự nhiên, nhân tố sinh thái tác động đến sinh vật

- A. Một cách độc lập với tác động của các nhân tố sinh thái khác
- B. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố sinh thái khác
- C. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố vô sinh
- D. Trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố hữu sinh

Câu 26: Những nhân tố khi tác động đến sinh vật, ảnh hưởng của chúng thường phụ thuộc vào mật độ của quần thể bị tác động là

- A. Nhân tố hữu sinh

- B. Nhân tố vô sinh
- C. Các bệnh truyền nhiễm
- D. Nước, không khí, độ ẩm, thực vật ưa sáng

Câu 27: Cho các thông tin về giới hạn nhiệt độ của các loài sinh vật dưới đây

- Loài chân bụng *Hydrobia aponenis*: (+1°C) – (+60°C).
- Loài địa phiến: (+0,5°C) – (+24°C).
- Loài chuột cái đài nguyên: (-5°C) – (+30°C).
- Loài cá chép Việt Nam: (+2°C) – (+44°C).

Trong các loài trên, loài nào có khả năng phân bố rộng nhất?

- A. Cá chép
- B. Chân bụng *Hydrobia aponenis*
- C. Địa phiến
- D. Chuột cát

Câu 28: Khoảng thuận lợi là khoảng của các nhân tố sinh thái

- A. Ở đó sinh vật sinh sản tốt nhất
- B. Ở mức phù hợp nhất đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất
- C. Giúp sinh vật chống chịu tốt nhất với môi trường
- D. Ở đó sinh vật sinh trưởng, phát triển tốt nhất

Câu 29: Khoảng giá trị xác định của một nhân tố sinh thái mà trong khoảng đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian được gọi là

- A. Môi trường
- B. Giới hạn sinh thái
- C. Ổ sinh thái
- D. Sinh cảnh

Câu 30: Thỏ sống ở vùng ôn đới có tai, đuôi và các chi nhỏ hơn tai, đuôi và các chi của thỏ sống ở vùng nhiệt đới, điều đó thể hiện quy tắc nào?

- A. Quy tắc về kích thước cơ thể.
- B. Quy tắc về kích thước các bộ phận tai, đuôi, chi,... của cơ thể.
- C. Do đặc điểm của nhóm sinh vật hằng nhiệt
- D. Do đặc điểm của nhóm sinh vật biến nhiệt

Đáp án bộ câu hỏi trắc nghiệm Sinh lớp 12 Bài 35: Môi trường sống và các nhân tố sinh thái

Câu 1: D

Câu 2: D

Câu 3: C

Câu 4: A

Câu 5: A

Câu 6: A

Câu 7: C

Câu 8: C

Câu 9: B

Câu 10: C

Câu 11: A

Câu 12: A

Câu 13: C

Câu 14: B

Câu 15: C

Câu 16: A

Câu 17: D

Câu 18: C

Câu 19: C

Câu 20: A

Câu 21: D

Câu 22: D

Câu 23: A

Câu 24: B

Câu 25: B

Câu 26: B, D

Câu 27: B

Câu 28: B

Câu 29: B

Câu 30: B